

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng mở rộng thị trấn
Quan Sơn, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị và các quy định của pháp luật có liên quan;

Xét đề nghị của UBND huyện Quan Sơn tại Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2015; của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3041/SXD-QH ngày 19 tháng 6 năm 2015 về việc đề nghị phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng mở rộng thị trấn Quan Sơn, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng mở rộng thị trấn Quan Sơn, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, với nội dung chính sau:

1. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch:

Phạm vi nghiên cứu quy hoạch khoảng 1.250 ha; diện tích khu đất lập quy hoạch 280,3ha có giới hạn sau:

- Phía Bắc giáp: Xã Trung Thượng;
- Phía Nam giáp: Xã Sơn Hà;
- Phía Đông giáp: Xã Trung Thượng;
- Phía Tây giáp: Xã Sơn Lư.

2. Tính chất, chức năng.

- Là thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học kỹ thuật của huyện Quan Sơn;

- Là đầu mối dịch vụ thương mại, dịch vụ vận tải tổng hợp của vùng.

3. Quy mô dân số và đất đai đô thị theo các giai đoạn phát triển:

a) Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng 2442 người;

- Dân số dự báo đến năm 2025, khoảng 5.000 người.

b) Quy mô đất đai: Diện tích đất xây dựng đô thị: 280,3 ha.

4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu và hướng phát triển đô thị

4.1. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

a) Chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng đô thị: Khoảng 150 - 200 m²/người.

Trong đó:

- Đất ở 38 - 46m²/người;

- Đất công trình công cộng: 4 - 6 m²/người;

- Đất giao thông: 20 - 24 m²/người;

- Đất cây xanh: 7 - 10 m²/ người;

- Đất ngoài dân dụng: 86 - 118 m²/người.

b) Một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu đối với khu vực dân dụng:

- Chỉ tiêu điện năng: 400KWh/người/năm;

- Cấp nước sinh hoạt: 100 lít/người/ngày đêm;

- Thu gom chất thải rắn: 0,8Kg/người/ngày. Chỉ tiêu thu gom \geq 85%;

- Thu gom xử lý chất thải 90%;

- Tầng cao xây dựng trung bình 4 - 5 tầng;

- Mật độ xây dựng > 30%;

- Hệ thống thoát nước mặt và thoát nước thải trong các khu dân dụng dùng chung một hệ thống.

4.2. Định hướng phát triển không gian đô thị:

a) Nguyên tắc:

- Định hướng phát triển không gian kiến trúc đô thị theo nguyên tắc khai thác địa hình tự nhiên, tận dụng quỹ đất xây dựng thuận lợi, hạn chế san lấp, phù hợp với đặc thù đô thị miền núi, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững;

- Phát triển đô thị trên cơ sở phát huy thế mạnh về tài nguyên rừng, tài nguyên du lịch; Xây dựng phát triển khu du lịch sinh thái bản Khạn xã Trung Thượng thành một điểm du lịch hấp dẫn, mang tính cộng đồng, bền vững, là điểm dịch vụ phụ trợ phục vụ cho sự phát triển của thị trấn Quan Sơn.

b) Hướng phát triển đô thị:

- Thị trấn Quan Sơn phát triển trên cơ sở các trục không gian chủ đạo đã được xác định tại Quy hoạch xây dựng thị trấn Quan Sơn, huyện Quan Sơn đến năm 2010 được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 4252/QĐ-CT ngày 17/12/2002.

- Phát triển mở rộng không gian về phía Nam để tận dụng quỹ đất có khả năng xây dựng.

- Mở rộng về phía Đông để hình thành đô thị hai bên bờ sông Lò.

5. Cơ cấu sử dụng đất:

Tổng diện tích toàn khu 280,3 ha, xác định cụ thể theo bảng sau:

Bảng cơ cấu sử dụng đất

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Đất xây dựng đô thị		
I	Đất dân dụng	45,31	16,16
1	Đất cơ quan hành chính	0,27	0,10
2	Đất thương mại dịch vụ đô thị	1,68	0,60
3	Chợ đô thị	0,33	0,12
4	Đất giáo dục	0,64	0,23
5	Đất dân cư cũ	21,17	7,55
6	Đất dân cư mới	9,54	3,40
7	Công viên cây xanh TDTT	1,53	0,55

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
8	Đất giao thông nội bộ	10,15	3,62
II	Đất ngoài dân dụng	48,23	17,21
1	Đất hành chính chính trị	5,48	1,96
2	Đất dịch vụ	0,56	0,20
3	Đất y tế	1,47	0,52
4	Đất giáo dục	6,30	2,25
5	Đất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, tập kết nguyên vật liệu lâm sản	8,13	2,90
6	Đất thể dục thể thao	4,69	1,67
7	Đất bến xe	0,50	0,18
8	Giao thông đối ngoại	21,10	7,53
B	Đất khác	186,76	66,63
1	Đất cây xanh ven sông	30,48	10,87
2	Đất dự trữ phát triển	17,38	6,20
3	Đất trồng sản xuất nông nghiệp	12,60	4,50
4	Đất lâm nghiệp	76,66	27,35
5	Đất mặt nước	31,27	11,16
6	Ta luy	18,37	6,55
C	Tổng	280,30	100,00

6. Vị trí, quy mô các khu chức năng chính:

6.1. Cơ quan - hành chính:

a) Khu trung tâm hành chính phía Bắc: Trên cơ sở các khu hành chính cũ, giữ nguyên vị trí hiện nay đồng thời cải tạo mở rộng quy mô cho phù hợp.

- Tổng diện tích khoảng 5,75 ha;
- Tầng cao tối đa: 1-3 tầng;
- Mật độ xây dựng: 40-70%.

b) UBND huyện: Giữ nguyên vị trí hiện tại

- Ký hiệu lô đất: UBND
- Tổng diện tích khoảng 0,67 ha;
- Tầng cao: 1-3 tầng;
- Mật độ xây dựng: 40-60%.

c) Huyện ủy: Giữ nguyên vị trí hiện tại

- Ký hiệu lô đất: HU

- Tổng diện tích khoảng 0,3 ha;

- Tầng cao: 1-3 tầng;

- Mật độ xây dựng: 40-60%;

d) UBND thị trấn: Chuyển về phía Nam thuộc phạm vi thị trấn mở rộng phía Nam cầu Quan Sơn.

- Ký hiệu lô đất: HC5

- Tổng diện tích khoảng 0,15 ha;

- Tầng cao: 1- 3 tầng.

e) Trung tâm hội nghị: Được bố trí tại khu sân vận động theo quy hoạch năm 2002 ở phía Đông sông Lò;

- Ký hiệu lô đất: TTHN;

- Diện tích khu đất khoảng 0,76 m²;

- Tầng cao: 1-3 tầng;

- Mật độ xây dựng: 40-60%.

f) Trung tâm văn hóa: Cải tạo xây dựng trên nền sân vận động cũ ở phía Đông sông Lò;

- Ký hiệu lô đất: TTVH;

- Diện tích khu đất khoảng 0,5 m²;

- Tầng cao: 1-3 tầng;

- Mật độ xây dựng: 35-40%.

6.2. Y tế:

- Bao gồm Bệnh viện đa khoa, nhà hộ sinh, trung tâm y tế dự phòng, trạm thú y. Giữ nguyên vị trí, mở rộng diện tích, tăng quy mô đáp ứng yêu cầu cấp vùng:

- Ký hiệu lô đất: YT

- Tổng diện tích đất khoảng 1,76 ha
- Tầng cao: 1-3 tầng;
- Mật độ xây dựng: 35-80%.

6.3. Giáo dục:

- Giữ nguyên vị trí các trường hiện tại, cần mở rộng quy mô diện tích đạt chuẩn quốc gia.

- Ký hiệu lô đất: TH1; TH2; GDTX; TRDN; TMN
- Tổng diện tích đất khoảng 6,9 ha;
- Tầng cao: 1-3 tầng;
- Mật độ xây dựng: 40-60%.

6.4. Đất công cộng và các công trình dịch vụ đa chức năng:

a) Chợ đô thị: Giữ nguyên vị trí cũ dần dần nâng cấp quy mô đáp ứng nhu cầu tương lai.

- Ký hiệu lô đất: CHO
- Tổng diện tích khoảng 0,32 ha;
- Tầng cao tối đa: 3 tầng; tối thiểu 2 tầng;
- Mật độ xây dựng: 60-70%.

b) Ngân hàng:

- Ký hiệu lô đất: NH1-NH2;
- Tổng diện tích đất khoảng 0,23 ha;
- Tầng cao: 1-3 tầng;
- Mật độ xây dựng: 30-45%.

c) Dịch vụ thương mại:

- Ký hiệu lô đất: DV1-DV5;
- Tổng diện tích đất khoảng 2,0 ha;
- Tầng cao: 1-3 tầng;
- Mật độ xây dựng: 30-45%

6.5. Đất ở:

a) Đất ở hiện hữu: Chủ yếu phân bố ở khu vực thị trấn cũ và một phần ở khu vực mở rộng. Hiện nay các công trình chủ yếu do dân tự xây dựng hình thức kiến trúc chưa tốt làm ảnh hưởng nhiều đến cảnh quan đô thị. Cần được chỉnh trang cải tạo cho phù hợp cải thiện chất lượng sống của nhân dân.

- Ký hiệu lô đất: DCC1 đến DCC39;

- Diện tích khoảng 21,1 ha;

- Tầng cao trung bình 1-3 tầng.

b) Đất ở dân cư mới: Hình thành khu dân cư mới đáp ứng cho yêu cầu phát triển của thị trấn với mô hình nhà vườn, nhà liền kề, nhằm đáp ứng nhu cầu nhà ở cho dân cư đô thị. Khu dân cư mới được xây dựng tập trung, đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. Xây dựng khu dân cư mới chủ yếu phát triển về hướng Nam của Thị trấn Quan Sơn.

- Ký hiệu lô đất: DCM1 đến DCM11;

- Tổng diện tích đất ở khoảng 9,5 ha.

- Dân số khoảng: 2000 người;

- Tầng cao: 1-3 tầng;

- Mật độ xây dựng: 40-70%.

6.6. Đất cây xanh, thể dục thể thao, vui chơi giải trí và công viên đô thị:

- Xây dựng khuôn viên cây xanh dọc hai bờ sông Lò trên cơ sở bờ kè hai bên bờ sông tổ chức trồng cây xanh, vườn hoa, đường dạo, thảm cỏ, nhằm tạo lối xanh cho đô thị và bảo vệ cho nguồn nước mặt sông Lò tránh bị ô nhiễm. Đồng thời hình thành được một khu cây xanh ven sông hữu tình, thơ mộng, tạo ra hình ảnh cây xanh mặt nước hài hòa là yếu tố đặc thù, riêng biệt của đô thị. Tổng diện tích khoảng 30,47 ha;

- Tổ chức công viên cây xanh cảnh quan và các khu cây xanh chuyên dùng phục vụ người dân đô thị. Diện tích khoảng 0,94 ha.

- Khu sân vận động thể dục thể thao: Do quỹ đất xây dựng hạn hẹp trung tâm thể dục thể thao không bố trí tập trung mà chia làm 2 khu.

+ Khu nhà thi đấu: bố trí tại khu vực sân vận theo QHC được duyệt năm 2002 thuộc bờ Đông sông Lò (hiện nay đã có dự án).

+ Khu sân vận động ngoài trời bố trí khu vực phía Nam tại khu vực bãi sỏi giáp sông Lò diện tích khoảng 4,29 ha.

6.7. Khu tập kết nguyên vật liệu:

- Xây dựng khu tập kết nguyên vật liệu phía Tây Nam. Nơi tập trung, bảo quản nguyên vật liệu phục vụ cho xây dựng công trình;

- Là khu tập kết các loại nguyên vật liệu xây dựng, sản xuất nông lâm sản. Đồ thủ công mỹ nghệ.

- Ký hiệu lô đất: TKVL;

- Diện tích khoảng 8,12 ha.

7. Nguồn cung cấp, vị trí, quy mô, công suất các công trình đầu mối và mạng lưới chính của hạ tầng kỹ thuật đô thị:

7.1. Chuẩn bị kỹ thuật:

- Toàn bộ hệ thống đường chính trong khu vực quy hoạch xây dựng bám theo địa hình hiện trạng, hạn chế san lấp, phá vỡ cảnh quan địa hình khu vực đường đi qua;

- Lợi dụng địa hình tự nhiên, chỉ san lấp cục bộ nền xây dựng công trình; giảm khối lượng đào đắp. Các khu vực xây dựng dưới sườn dốc được thiết kế hệ thống mương thu nước;

- Xây dựng hệ thống thu nước mưa gồm các mương, công đặt dọc theo hệ thống giao thông và thoát ra ngoài sông suối;

- Khu vực xã Sơn Lư, cao độ nền xây dựng thấp nhất 130m, cao nhất 160m.

- Xây dựng hệ thống kè đá hai bên sông Lò. Quy mô tuyến kè thay đổi tùy theo cốt địa hình.

7.2. Quy hoạch giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

- Nâng cấp, mở rộng tuyến Quốc lộ 217 làm trục giao thông chính chạy dọc khu vực quy hoạch. Quy mô mặt cắt ngang:

Đoạn từ cầu Phà Lò đến Km141 (MCN 5-5): lòng đường 7,5m, vỉa hè 2x3,0m, CGĐĐ = 13,5m;

Đoạn từ Km141 đến giao với đường Tây Thanh Hóa (MCN 1-1): lòng đường 12,0m; vỉa hè 2x3,0m; CGĐĐ = 18,0m;

Đoạn từ giao với đường Tây Thanh Hóa đến hết ranh giới quy hoạch (MCN 4-4): lòng đường 7,5m; vỉa hè 2x3,0m; CGĐĐ = 13,5m.

- Tuyến đường Tây Thanh Hóa đi Thường Xuân: quy mô mặt cắt ngang đoạn từ giao với Quốc lộ 217 đến cầu Quan Sơn (MCN 4-4): lòng đường 7,5m; vỉa hè 2x3,0m; CGĐĐ = 13,5m. Mở rộng đoạn từ cầu Quan Sơn đến hết ranh giới quy hoạch với quy mô mặt cắt ngang (MCN 2-2): lòng đường 10,5m; vỉa hè 2x4,0m; CGĐĐ = 18,5m.

- Kéo dài, mở rộng tuyến đường cứu hộ cứu nạn (MCN 6-6): lòng đường 7,5m; lề đường 2x1,5m.

b) Giao thông nội bộ:

- Trên cơ sở các tuyến đường hiện trạng, được cải tạo nâng cấp, lòng đường 5,5m; hè 2x1,5m;

- Xây dựng các tuyến giao thông đối nội: lòng đường 5,5m – 7,5m; lề đường hoặc vỉa hè mỗi bên từ 1,5m-5,0m;

- Xây dựng hệ thống cầu qua sông Lò với quy mô phù hợp với quy mô mặt cắt ngang các tuyến đường kết nối.

7.3. Quy hoạch cấp nước:

- Nhu cầu cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất: $Q = 1.800 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$;

- Nguồn nước:

+ Sử dụng nguồn nước ở suối Lý; nâng cấp cải tạo nhà máy nước ở phía Bắc;

+ Sử dụng nguồn nước sông Lò; xây dựng nhà máy nước mới ở bản Păng xã Sơn Lư;

- Mạng lưới cấp nước: mạng vòng kết hợp mạng cụt.

7.4. Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện: Từ trạm biến áp 110 kv Bá Thước;

- Tổng nhu cầu sử dụng điện 2.752 kVA;

- Trạm biến áp (sử dụng cho sinh hoạt và công cộng): Tổng 11 trạm; cải tạo nâng cấp 7 trạm xây mới 4 trạm.

- Mạng lưới điện trung thế, hạ thế xây dựng mới phải đi ngầm theo quy hoạch. Mạng lưới điện trung, hạ thế hiện có từng bước ngầm hóa để đảm bảo an toàn mỹ quan đô thị.

7.5. Quy hoạch thoát nước:

Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và thoát nước mưa làm hai hệ thống riêng biệt.

a) Thoát nước thải:

- Lưu lượng nước thải của toàn đô thị bằng 800 m³/ng.đ.

- Xây dựng hai trạm xử lý nước thải:

Trạm 1 xử lý nước thải khu tập kết nguyên vật liệu được bố trí tại khu vực phía Bắc của khu.

Trạm 2, xử lý nước thải sinh hoạt đặt phía Đông Bắc bản Păng, thị trấn Quan Sơn (Đối diện với khu Huyện đội).

b) Thoát nước mưa:

Xây dựng hệ thống thoát nước mưa của khu vực đổ xuống sông Lò.

Hướng thoát nước mưa trong tiểu khu theo độ dốc địa hình, thiết kế san nền. Độ dốc dọc đáy cống, mương thiết kế theo địa hình và theo độ dốc của tuyến đường.

7.6. Xử lý chất thải rắn, nghĩa trang:

- Chất thải rắn: Thu gom rác hàng ngày, thiết kế các vị trí tập kết rác tại các trạm trung chuyển, cuối ngày sẽ được công ty môi trường đô thị thu gom và chuyển đến bãi xử lý rác thải chung. Chất thải rắn trong cụm tập kết nguyên vật liệu – sẽ được thu gom xử lý riêng;

- Nghĩa trang: Xây dựng khu nghĩa trang nhân dân mới của khu vực tại đồi phía Tây Bắc bản Lám, thị trấn Quan Sơn;

Từng bước di dời các nghĩa địa, khu mộ nằm dài rác trong khu dân cư, về nghĩa trang nhân dân mới của khu vực.

8. Các quy định về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:

a) Quy định về mật độ xây dựng - tầng cao xây dựng:

- Đô thị Quan Sơn là đô thị miền núi vì vậy phải thiết kế, quy hoạch, xây dựng mật độ vừa phải, phù hợp có tính hiệu quả lâu dài.

- Các công trình cửa ngõ, công trình trọng tâm, phải có khoảng lùi.

- Chiều cao các công trình phù hợp với mô hình tuyến trục, phù hợp với chiều cao và các công trình xung quanh.

- Công trình cao tầng, thấp tầng, trung bình kết nối và hợp khối tạo thành quần thể hài hoà, phù hợp không gian xung quanh, qua đó nâng cao hiệu quả tầm nhìn cho các tổ hợp công trình;

- Tại các khu vực trọng tâm, trọng điểm bố trí công trình cao tầng mang tính dẫn hướng. Kết hợp với các công trình thấp tầng tạo nên sự đồng nhất cho các diện của các trục chủ đạo, tạo sự hài hoà của tổng thể đô thị.

b) Quy định thiết kế cảnh quan xung quanh:

- Đảm bảo diện tích trồng cây xanh, tăng độ che phủ, trong khoảng sân vườn bao quanh công trình và mặt trước công trình;

- Các khoảng sân vườn trồng hoa, cây cảnh được thiết kế hài hòa về màu sắc, hình khối phù hợp với không gian xung quanh;

- Các khoảng không gian thoáng, khoảng lùi của các công trình được bảo vệ theo quy chuẩn thiết kế. Các đường dạo, đường xe ra vào công trình được kết nối hợp lý với đường giao thông khu vực, đảm bảo tuân thủ theo mạng chung.

9. Các biện pháp bảo vệ môi trường:

a) Các giải pháp bảo vệ môi trường không khí:

- Trong quá trình thi công sử dụng xe, máy thi công có tiêu chuẩn kỹ thuật đảm bảo;

- Xây dựng các hệ thống thoát nước kín, chất thải được thu gom về các điểm thu gom xử lý, hạn chế mùi hôi, khí độc thải vào không khí;

- Che chắn phủ bạt đối với các loại xe chuyên chở nguyên vật liệu, nhiên liệu, che chắn cách ly giữa khu vực san ủi với khu vực xung quanh bằng các hàng rào, bạt. Trồng cây xanh để hạn chế sự lan tỏa của bụi, khí thải và tiếng ồn;

- Bố trí các nhà vệ sinh công cộng tạm thời trên các công trường tại các vị trí hợp lý; Phun nước làm ẩm mặt đất khi san ủi để giảm lượng bụi cuốn theo gió.

b) Các giải pháp giảm ô nhiễm tới nguồn nước:

- Nước thải sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp trước khi xả ra môi trường phải được xử lý đảm bảo Quy chuẩn, Tiêu chuẩn Việt Nam, trước khi thải ra môi trường bên ngoài;

- Kiểm soát việc xả nước thải ra nguồn. Các điểm xả nước thải phải được sự chấp thuận, cho phép của cơ quan chức năng.

c) Các giải pháp bảo vệ môi trường đất, cảnh quan:

- Xây dựng hệ thống thoát nước phù hợp và đồng bộ;

- Giám sát chặt chẽ các loại rác thải, nước thải;

- Sử dụng hệ thống lưới để ngăn rác từ hệ thống cống, thải ra hệ thống sông suối, bố trí các đội dọn vệ sinh môi trường liên tục nhặt rác và vớt rác trên mặt sông suối.

10. Các chương trình ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện:

a) Các dự án ưu tiên đầu tư:

- Đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Cải tạo, mở rộng các tuyến đường: Quốc lộ 217, đường nối các huyện miền núi phía Tây, xây dựng các tuyến đường mới, chỉnh trang các đường trong khu dân cư đô thị hiện hữu.

- Tập trung triển khai dự án đầu tư xây dựng các công trình nhằm tạo động lực phát triển đô thị gồm: các khu ở đô thị, các công trình thương mại, dịch vụ tổng hợp.

- Đầu tư xây dựng đồng bộ các công trình đầu mối, cấp điện, cấp nước, thoát nước và vệ sinh môi trường.

b) Nguồn vốn thực hiện:

- Vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn hỗ trợ đầu tư phát triển;

- Vốn huy động đầu tư;

- Vốn thu hút từ cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trong nước, liên doanh và đầu tư trực tiếp nước ngoài sản xuất, kinh doanh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Quan Sơn:

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các ngành liên quan tổ chức công bố rộng rãi nội dung điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng mở rộng thị trấn Quan Sơn, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 để nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện;

- Tiếp nhận, quản lý hồ sơ, tài liệu quy hoạch được giao và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức nghiên cứu, lập các quy hoạch chi tiết, định vị tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính trên thực địa;

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng và cải tạo đô thị trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, nguồn khai thác từ quỹ đất bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của nhà nước;

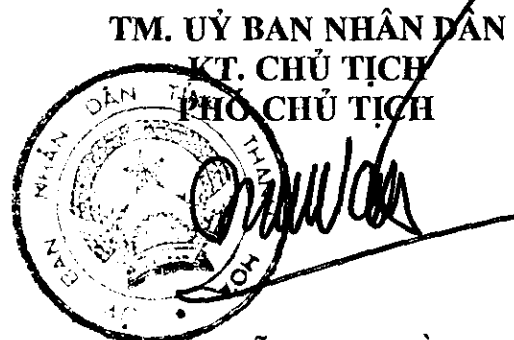
2. Sở Xây dựng và các ngành chức năng liên quan: Chịu trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, CN.
- H2.(2015)QDPD DC QHC TT Quan Sơn



Nguyễn Ngọc Hồi